

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ LANG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25/9/2018

V/v: *Không công nhận
quan hệ vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thanh Lù.
2. Ông Nông Văn Tràng.

- Thư ký phiên toà: Bà Linh Thị Hiến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 15/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2018 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2018/QĐXXHNGĐ - ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn M. Có mặt.
2. Bị đơn: Chị Nông Thị Th. Vắng mặt có lý do.

Cùng nơi cư trú: Xóm BT, xã VQ, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 09/5/2018 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Hoàng Văn M trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn Nông Thị Th tổ chức cưới năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn. Hai người có được tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên là Hoàng Trung N, sinh ngày 01/12/200x, hiện nay con đang sống cùng anh M. Đến năm 2017, chị Th đi làm công nhân thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian đi làm công nhân, chị Th ít khi liên lạc về nhà hỏi thăm chồng con, anh có gọi điện thì chị Th không nghe máy, dù đi làm nhưng chị Th ít khi gửi tiền về nhà, những ngày lễ tết hay nhà có việc chị Th cũng không về nhà, hai người đã sống ly thân từ ngày vợ đi làm cho đến nay. Tài sản

chung và các khoản nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên anh M yêu cầu được ly hôn chị Th. Sau khi ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Trong quá trình hòa giải, bị đơn xác nhận những vấn đề về quan hệ hôn nhân, con chung như anh M trình bày là đúng. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn không như anh M khai, do đặc thù công việc làm theo ca, nên đôi lúc không nghe điện thoại anh M được. Ngoài ra, hiện nay vợ chồng có tạo dựng được ngôi nhà xây cấp bốn trị giá khoảng 200.000.000đ (hai trăm triệu), một số vật dụng trong nhà trị giá 20.000.000đ (hai mươi triệu) toàn bộ đất đai đã sang tên cho hai vợ chồng đứng bìa đỏ, nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hạ Lang 10.000.000đ (mười triệu), nợ em cậu Nông Văn C 4.000.000đ (bốn triệu). Nay chồng làm đơn xin ly hôn, chị nhất trí, sau khi ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu anh M cấp dưỡng, số tài sản và nợ trên, chị Th yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật và đã nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Mông Thị H (mẹ anh M) khai: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh M, chị Th tạo dựng được khối tài sản như chị Th khai. Tuy nhiên, toàn bộ đất đai là do vợ chồng bà tạo dựng, chỉ để hai con canh tác, không phải là tài sản chung. Quá trình chung sống bà cũng có công sức đóng góp tạo dựng tài sản chung của hai vợ chồng chị Th. Vì vậy, đề nghị Tòa án xác nhận bà cũng có 1/3 kỷ phần trong khối tài sản chung đó.

Tại bản tự khai ngày 12/7/2018, cháu N khai: Hiện nay cháu đang sống cùng bố, nếu bố mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng được sống bố.

Tại phiên hòa giải ngày 14/9/2018, các bên đương sự thỏa thuận giao con chung cho anh M nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Th. Tài sản chung và các khoản nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/9/2018, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang đã ra Quyết định số 326/2018/QĐST-HNGĐ về việc đình chỉ giải quyết yêu cầu phân tố chia tài sản chung của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Anh M giữ nguyên yêu cầu ly hôn, được nuôi con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng. Các vấn đề khác không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Nông Thị Th đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. Do đương sự không yêu cầu giải quyết tài sản chung và các khoản nợ, bà Mông Thị H

không còn liên quan đến vụ án, nên Tòa án không triệu tập bà H tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Hoàng Văn M và chị Nông Thị Th kết hôn năm 2006, có được tìm hiểu. Sau khi kết hôn không làm thủ tục đăng ký theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Mặt khác, theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”. Như vậy, việc kết hôn giữa anh Hoàng Văn M và chị Nông Thị Th không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa anh M và chị Th về việc giao con chung, tên Hoàng Trung N, sinh ngày 01/12/200x cho anh M chăm sóc, giáo dục, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị Th.

Chị Th có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

[4]. *Về tài sản chung*: Các bên đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về các khoản nợ chung, nợ riêng*: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6]. *Về án phí*: Anh M phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên bố, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Hoàng Văn M và chị Nông Thị Th là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Giao con chung, tên Hoàng Trung N, sinh ngày 01/12/200x cho anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với chị Th.

Chị Th có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung và các khoản nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang thu, theo biên lai số AA/2016/0001100.

Anh M có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Th có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nông Văn Tùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Lù Nông Văn Tràng

Nông Văn Tùng

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Lù Nông Văn Tràng

Nông Văn Tùng

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã Cô Ngân;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Văn Tùng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. *Về tố tụng:* Ông Nông Văn Át và bà Hoàng Thị Ánh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông bà. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nông Văn Du và chị Nông Thị Vặn tổ chức cưới vào năm 2000, việc cưới xin do bố mẹ tổ chức cho và không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*”

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Mặt khác tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”.

Như vậy việc kết hôn giữa anh Nông Văn Du và chị Nông Thị Vãn không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

3. *Về con chung*: Tại phiên hòa giải ngày 11/5/2017 hai bên tự nguyện thỏa thuận để chị Vãn chăm sóc, giáo dục con chung tên Nông Mạnh Duy, sinh ngày 17/10/2004 đến tuổi trưởng thành, chị Vãn không yêu cầu anh Du cấp dưỡng nuôi con. Nội dung thỏa thuận trên là tự nguyện và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên cần được chấp nhận.

4. *Về tài sản chung và các khoản nợ*: Các bên đương sự xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Nông Văn Du phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình;

Tuyên bố, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận anh Nông Văn Du và chị Nông Thị Vãn là vợ chồng.

2. *Về con chung*: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Du và chị Vãn về việc để chị Nông Thị Vãn chăm sóc, giáo dục con chung tên Nông Mạnh Duy, sinh ngày 17/10/2004 đến tuổi trưởng thành, chị Vãn không yêu cầu anh Du cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Du có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung và các khoản nợ*: Các bên đương sự xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nông Văn Du phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ do Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang thu. Anh Du đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Du, chị Vãn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

Nông Văn Tùng